TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 12 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Nguyễn Văn My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2019/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim Đ, sinh năm 1990 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồng Ngọc S, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Kim Đ trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2009 bà (Trần Kim Đ) và Ông Hồng Ngọc S xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chồng không chung thủy nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với Ông Hồng Ngọc S. Về con chung có 02 người tên là

Hồng Ngọc T (giới tính nam), sinh ngày 14/11/2010, Hồng Đăng K (giới tính nam), sinh ngày 14/11/2010. Hiện các con chung đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Ông Hồng Ngọc S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2019, bị đơn là ông Hồng Ngọc S trình bày:

Ông (Hồng Ngọc S) thống nhất với phần trình bày của Bà Trần Kim Đ về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn cũng như về mâu thuẫn đúng như Bà Trần Kim Đ trình bày. Ông xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Kim Đ. Về con chung đúng như Bà Trần Kim Đ trình bày, ông đồng ý thỏa thuận giao 02 người con chung là Hồng Ngọc T và Hồng Đăng K cho Bà Trần Kim Đ nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ông đồng ý tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do sức khỏe kém và điều kiện công việc đi lại khó khăn nên ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Kim Đ yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Hồng Ngọc S nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Hồng Ngọc S yêu cầu được xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông Hồng Ngọc S không chung thủy từ đó bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Trần Kim Đ yêu cầu ly hôn với ông Hồng Ngọc S. Ông Hồng Ngọc S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Kim Đ, yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do hôn nhân giữa bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Trần Kim Đ và Ông Hồng Ngọc S thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung tên là Hồng Ngọc T (giới tính nam), sinh ngày

14/11/2010, Hồng Đăng K (giới tính nam), sinh ngày 14/11/2010 hiện đang chung sống cùng với bà Trần Kim Đ. Bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S thống nhất thỏa thuận giao Hồng Ngọc T và Hồng Đăng K cho bà Trần Kim Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Hồng Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận giữa Bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S phù hợp với nguyện vọng của những người con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình do đó có cơ sở để ghi nhận. Ông Hồng Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Kim Đ phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S, sự thỏa thuận như sau:

Giao cho bà Trần Kim Đ chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Hồng Ngọc T (giới tính nam), sinh ngày 14/11/2010, Hồng Đăng K (giới tính nam), sinh ngày 14/11/2010 cho đến khi Hồng Ngọc T và Hồng Đăng K đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Hồng Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồng Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xử lý.

4. Về nợ chung: Bà Trần Kim Đ và ông Hồng Ngọc S thống nhất xác định không có nên không đặt ra xử lý.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Kim Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Kim Đ đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019606 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H.Phú Tân;*
- *Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);*
- *Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước